

Số: 249/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 12 năm 2019

KẾ HOẠCH

Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐỀ N	Số: 1664
	Ngày: 11/12
	Chuyên: Thực hiện

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đảm bảo thường xuyên, kịp thời trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Nhằm phát hiện quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

a) Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản; không bỏ sót văn bản thuộc trách nhiệm rà soát; kịp thời xử lý, kiến nghị xử lý kết quả rà soát; tuân thủ trình tự, thủ tục thực hiện rà soát theo quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

b) Hoạt động hệ thống hóa phải được tiến hành định kỳ, kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng, phạm vi rà soát

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành đến hết ngày 31/12/2020.

2. Nội dung thực hiện

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên:

- Rà soát theo văn bản là căn cứ pháp lý quy định tại Khoản 1 Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ là văn bản được

ban hành sau, có quy định liên quan đến văn bản được rà soát và thuộc một trong các trường hợp: Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát; Văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát.

- Rà soát căn cứ vào Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên sau thời điểm ban hành; Văn bản được rà soát căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội phải được các cơ quan, đơn vị thực hiện ngay khi có căn cứ theo Khoản 2 Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, đảm bảo về nội dung, trình tự rà soát và xử lý kết quả rà soát theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

- Tập hợp, sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát, xác định còn hiệu lực theo các tiêu chí quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ để hệ thống hóa và phải được đảm bảo về nội dung, trình tự, thủ tục hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Mục 5, Chương IX, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

b) Công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực:

Văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực được quy định tại Điều 153 và Khoản 1, 2, 3 Điều 154 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phải được lập danh mục theo mẫu số 03, 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và công bố theo quy định tại Điều 157 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

Văn bản được xác định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần phải được đưa vào danh mục để công bố theo quy định tại Điều 157 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và phải được Chủ tịch UBND các cấp công bố chậm nhất là 30/01/2020.

c) Rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực:

Tổ chức rà soát các văn bản do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo các chuyên đề, lĩnh vực mà các Bộ yêu cầu.

3. Thời gian thực hiện

a) Cấp tỉnh

Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề, thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình theo trình tự quy định và gửi kết quả về Sở Tư pháp: Chậm nhất là ngày 05/01/2021.

Sở Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chậm nhất là 30/01/2021.

b) Cấp huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

Phòng Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố chậm nhất là 30/01/2021.

c) Cấp xã:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp chậm nhất là ngày 30/01/2021.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh

a) Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.

b) Phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện rà soát văn bản.

c) Việc rà soát văn bản phải được thiết lập hồ sơ và gửi Sở Tư pháp lấy ý kiến theo quy định tại Điều 153 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

d) Trình Hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát.

Gửi Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho cơ quan tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

d) Lập dự toán kinh phí rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Bố trí biên chế và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sở Tư pháp

a) Theo dõi việc thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đôn đốc, hướng dẫn các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; địa phương rà soát và công bố danh mục rà soát; tổng hợp kết quả rà soát chung của cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

c) Có ý kiến trả lời về Hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật của các Sở, Ban, ngành.

d) Chuẩn bị báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Nội vụ

a) Thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Chỉ đạo Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh tạo điều kiện để các Sở, Ban, ngành tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc đối tượng được rà soát.

4. Sở Tài chính

a) Thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Tổng hợp dự toán ngân sách chi cho hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo bố trí đủ kinh phí riêng cho hoạt động của công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế

a) Trên cơ sở Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát văn bản theo quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và Kế hoạch này và các văn bản liên quan.

c) Bố trí biên chế và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

d) Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu tại Kế hoạch này; phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong quá trình thực hiện.

d) Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về công tác rà soát văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và các văn bản liên quan.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và Kế hoạch này và các văn bản liên quan.

b) Thực hiện chế độ báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền.

7. Đề nghị Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh

Phối hợp và tạo điều kiện để các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc đối tượng được rà soát; phối hợp với Sở, Ban, ngành cấp tỉnh thực hiện các nội dung liên quan tại Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, bố trí vào dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định/.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; CT, các PCT;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: CVP, các PCVP; các CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Dung